TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN DŨNG** TỈNH BẮC GIANG Bản án số: 59/2017/HNGĐ-ST Ngày 28/12/2017. V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Lý và ông Đào Xuân Thịnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2016 về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2017/QĐXX- ST ngày 08 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1986; *(có mặt)*

STQ: Thôn P, xã Q, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Chị Đào Thị Tr, sinh năm 1990; *(vắng mặt)*

Nơi ĐKHK: Thôn P, xã Q, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Tổ A, ấp B, xã C, huyện Tân Thành, thành phố Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nguyên đơn anh Nguyễn Hữu H trình bày: Anh và chị Đào Thị Tr kết hôn với nhau ngày 11/11/2006 âm lịch, trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thắng Cương. Sau khi cưới chị Tr về nhà anh làm dâu ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có với nhau hai con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2014. Nguyên nhân là do trong cuộc sống không hòa hợp về tính tình, thường xuyên bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, cho đến khoảng tháng 11 năm 2015 thì chị Tr bỏ nhà đi. Sau khi chị Tr bỏ nhà đi thì anh có gọi chị Tr về đoàn tụ vợ chồng nhưng chị Tr không đồng ý quay lại chung sống cùng anh. Giữa vợ chồng anh, chị và gia đình hai bên cũng không hàn gắn, hòa giải để anh, chị về đoàn tụ vợ chồng. Anh, chị ly thân từ tháng 11 năm 2015 đến nay. Hiện nay chị Tr đang sinh sống tại tổ A, ấp B,

xã C, huyện Tân Thành, thành phố Bà Rịa-Vũng Tàu. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc quay về chung sống đoàn tụ là không thể. Do vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đào Thị Tr.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị M, sinh ngày 26/9/2007 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 04/03/2009. Hiện nay cả hai con chung đang ở với anh. Nay ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Nếu được nuôi con thì anh không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản, vay nợ, ruộng định xuất: Do không có gì vướng mắc nên anh không đặt thành yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn và nuôi con, anh không còn yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai bị đơn chị Đào Thị Tr trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hữu H kết hôn với nhau ngày 11/11/2006, trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Yên Dũng. Cưới xong chị về chung sống cùng anh H tại Thôn P, xã Q ngay. Vợ chồng có thời gian dài sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có hai con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2014. Anh, chị đã sống ly thân nhau từ tháng 11 năm 2015 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị M, sinh ngày 26/9/2007 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 04/03/2009. Hiện nay cả hai con đang ở với anh H. Nay ly hôn chị đồng ý để anh H được tiếp tục nuôi hai con. Chị sẽ có trách nhiệm với anh H về việc nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, ruộng định xuất: Do không có gì vướng mắc nên chị không đặt thành yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa anh Nguyễn Hữu H giữ nguyên quan điểm trên, không có yêu cầu, đề nghị nào khác. Chị Đào Thị Tr có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cũng như xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa nhận xét:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Khoản 1 điều 28, 35, 96, 97, 98, 99, khoản 6 điều 48 và khoản 4 điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai, trực tiếp bằng lời nói theo điều 51 và Điều 225 và điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Đương sự thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 và điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 56 và Điều 58, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Nguyễn Hữu H được ly hôn với chị Đào Thị Tr.

Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Thị M, sinh ngày 26/9/2007 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 04/03/2009 cho anh Nguyễn Hữu H trực tiếp nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: Không giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Hữu H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Ngày 11/10/2016 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng tiến hành thụ lý vụ án. Tại thời điểm thụ lý vụ án chị Đào Thị Tr có hộ khẩu tại Thôn P, xã Q huyện Yên Dũng đến ngày 10/5/2017 chị Tr đăng ký tạm trú tại địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện Tân Thành, thành phố Bà Rịa-Vũng Tàu, do vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên hòa giải cho chị Đào Thị Tr, tuy nhiên ngày 28/8/2017 chị Tr đã có đơn đề nghị Tòa án xin được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là đảm bảo theo trình tự thủ tục chung.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu H và chị Đào Thị Tr kết hôn với nhau từ ngày 11/11/2006 âm lịch (tức ngày 30/12/2006 dương lịch), khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Yên Dũng. Như vậy hôn nhân giữa anh Nguyễn Hữu H và chị Đào Thị Tr là đảm bảo theo quy định của Lật hôn nhân và gia đình, do vậy là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị Tr đã ly thân nhau từ tháng 11 năm 2015 cho đến nay không còn quan hệ gì với nhau, bản thân anh H xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị Tr, chị Tr cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Điều đó thể hiện cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào

khoản 1 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình cần giải quyết cho anh Nguyễn Hữu H được ly hôn với chị Đào Thị Tr.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị M, sinh ngày 26/9/2007 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 04/03/2009. Hiện nay cả hai con đang ở với anh H. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay chị Tr đi làm ăn xa, không có ở nhà, bản thân chị Tr cũng đồng ý để anh H được tiếp tục nuôi hai con. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định của các cháu nên cần giao cho anh H tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không đặt thành yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, ruộng đất: Các bên đương sự không có gì vướng mắc do vậy không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Hữu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, Khoản 1 Điều 53 và Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tụng dân sự; Khoản 1 điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Nguyễn Hữu H được ly hôn với chị Đào Thị Tr.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Hữu H tiếp tục trực tiếp nuôi hai con là Nguyễn Thị M, sinh ngày 26/9/2007 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 04/03/2009.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăn nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: Không giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Hữu H phải chịu 200.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp tại biên lai thu số:

AA/2014/0003087 ngày 11 tháng 10 năm 2016 của Chi cục thi hành án huyện Yên Dũng (xác nhận anh H đã nọp đủ án phí)

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án./.

Nơi nhận:
- VKS ND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- Các đương sư;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Tân Thịnh